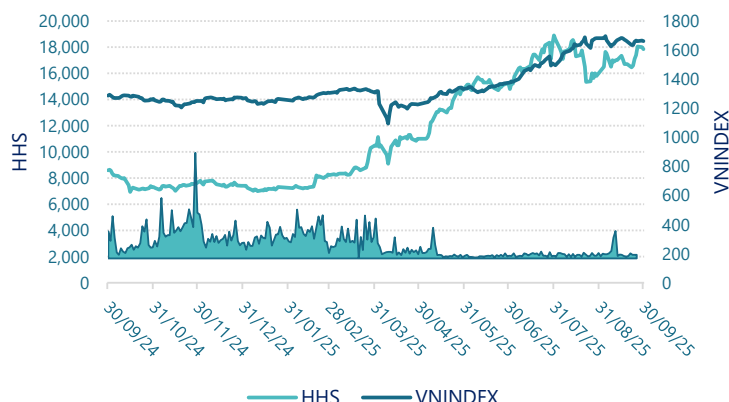


CTCP Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (HSX: HHS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	17,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,940
SL cổ phiếu LH	431,985,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,576,690
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,711
P/E	2.1
EPS	8,472

DT thuần

Q3/25

323

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 135 | 72.0%

YoY: ▲ 199 | 161%

LN sau thuế

Q3/25

10.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3,493 | -99.7%

YoY: ▼30.9 | -74.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.0%

+/- YoY: ▼ 31.0%

DT thuần

9T 2025

610

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 255 | 71.7%

LN sau thuế

9T 2025

3,582

tỷ VNĐ

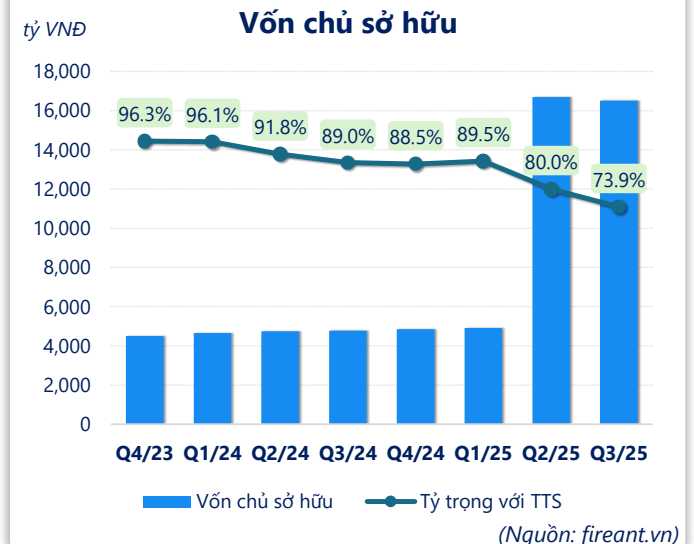
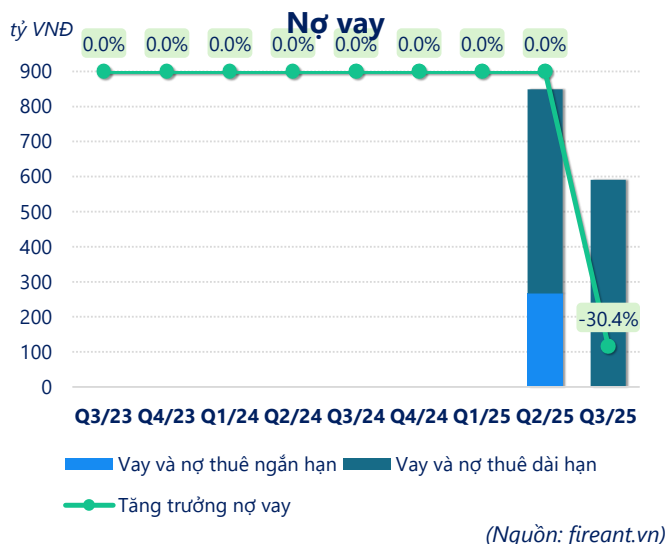
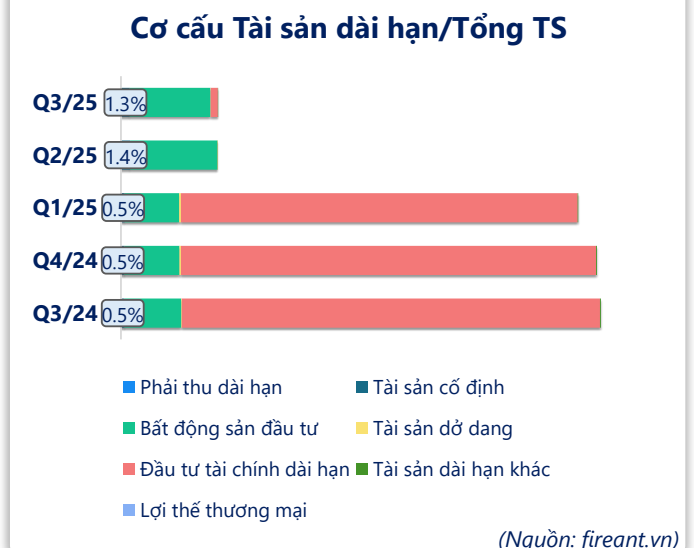
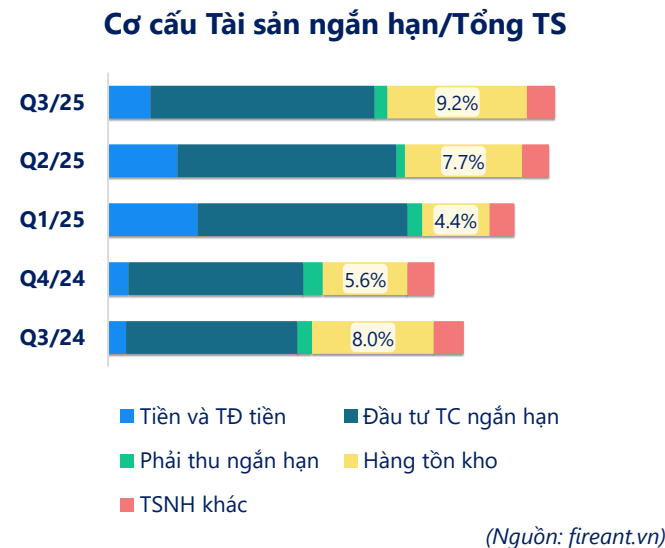
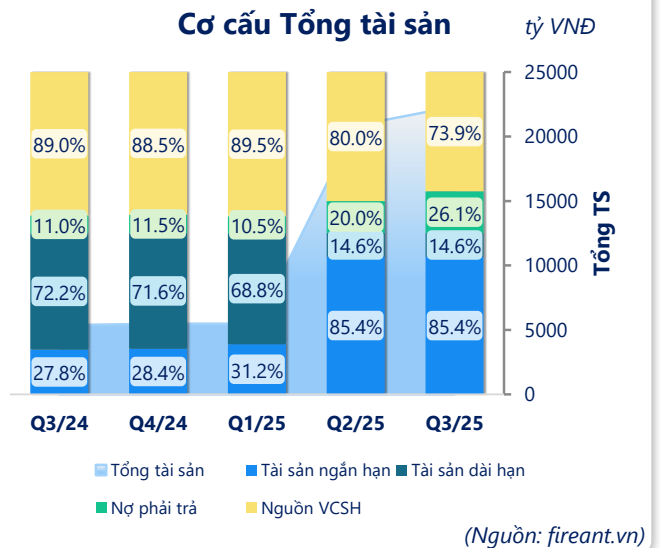
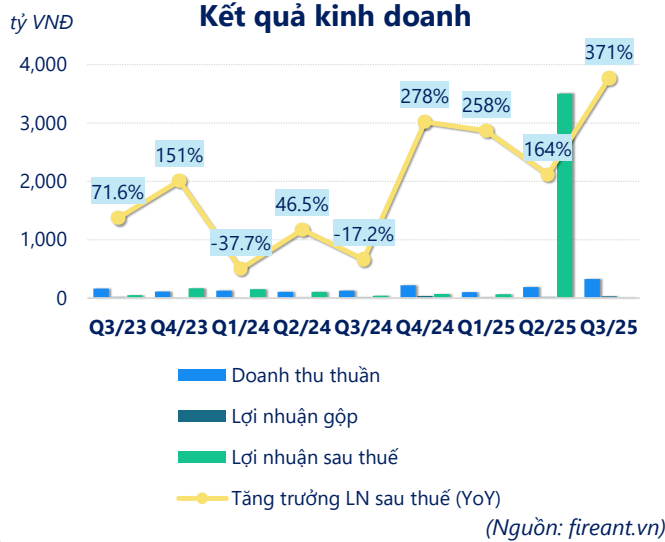
YoY: ▲ 3,282 | 1093%

ROE

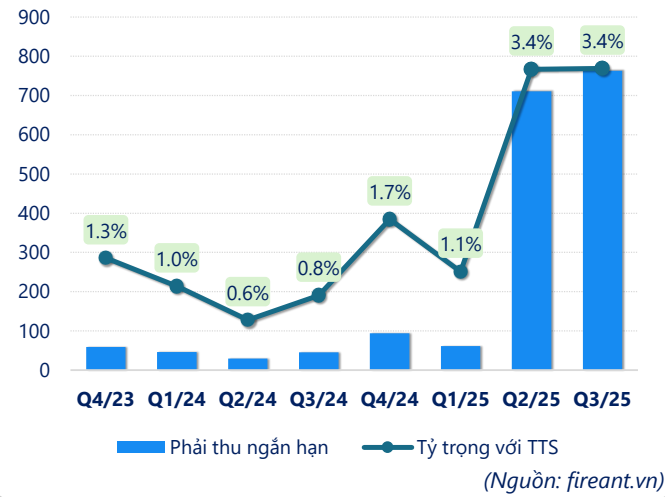
Q3/25

34.4%

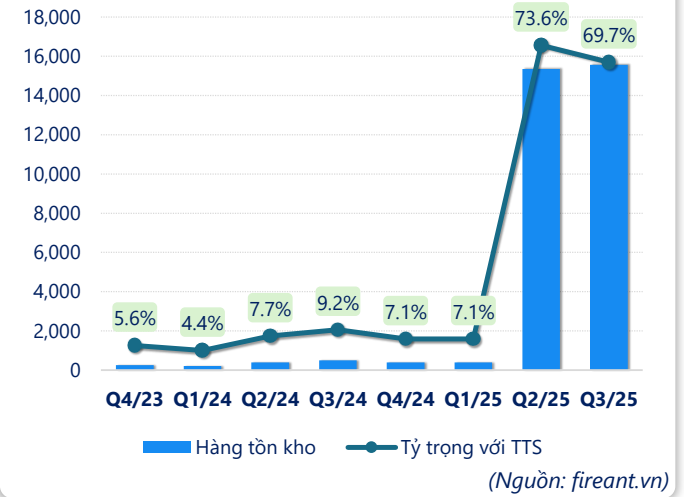
+/- YoY: ▲ 24.2%



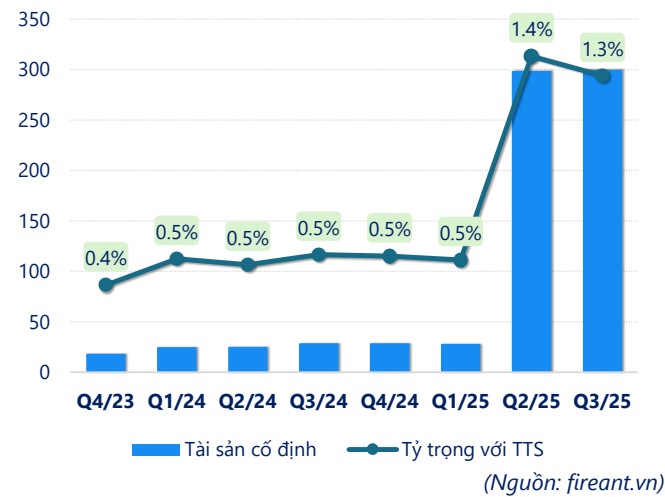
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


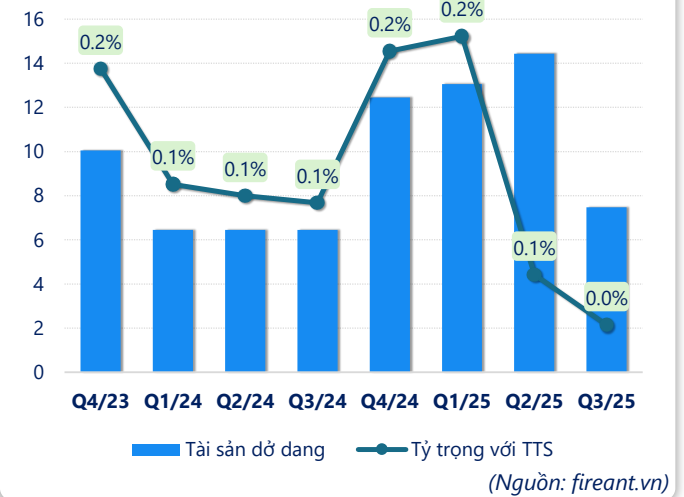
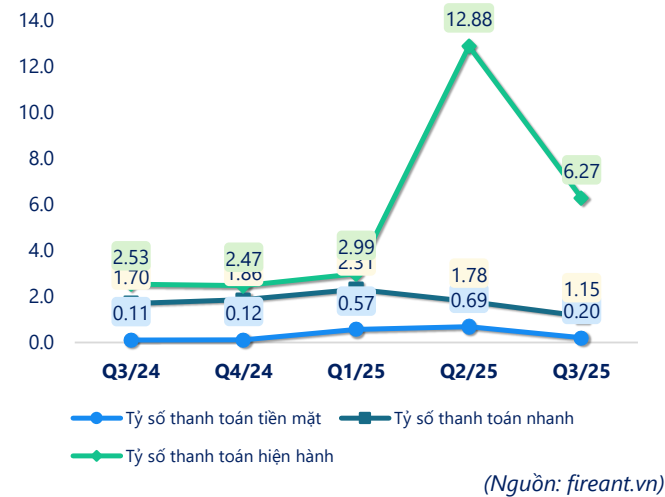
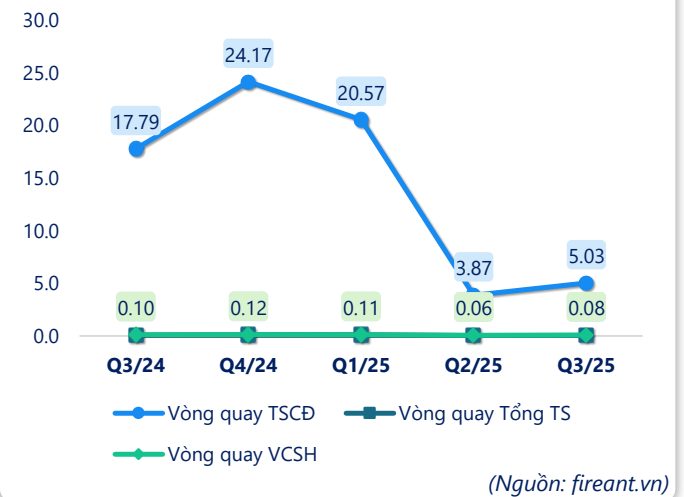
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	5,368	5,477	5,488	20,855	22,322
Tài sản ngắn hạn	1,493	1,555	1,712	17,813	19,056
Tiền và tương đương tiền	63.7	73.0	324	952	621
Đầu tư tài chính ngắn hạn	793	914	852	613	1,868
Phải thu ngắn hạn	45.4	93.6	61.3	711	763
Hàng tồn kho	493	386	388	15,348	15,569
Tài sản ngắn hạn khác	98.9	87.9	86.3	189	235
Tài sản dài hạn	3,875	3,922	3,776	3,042	3,266
Phải thu dài hạn	0.12	0.12	3.89	0.12	0
Tài sản cố định	28.6	28.8	28.0	299	300
Bất động sản đầu tư	458	454	450	2,719	2,705
Tài sản dở dang	6.44	12.5	13.1	14.4	7.47
Đầu tư tài chính dài hạn	3,376	3,421	3,276	0	244
Tài sản dài hạn khác	6.13	6.27	6.28	9.40	9.34
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	591	630	574	4,163	5,817
Nợ ngắn hạn	589	629	572	1,383	3,038
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	267	0
Phải trả người bán ngắn hạn	464	497	452	493	575
Nợ dài hạn	1.11	1.56	1.51	2,780	2,779
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	583	591
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,778	4,846	4,914	16,692	16,505
Vốn chủ sở hữu	4,778	4,846	4,914	16,692	16,505
Vốn điều lệ	3,680	3,680	3,680	4,320	4,320
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)